

59 - TỈNH TRÀ VINH

Đơn vị bầu cử Số 1: Gồm thành phố Trà Vinh và các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1	Thạch Phước Bình	28/9/1978	Nam	Việt Nam	Khmer	Phật giáo	Xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Số 7, đường Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	12/12	Đại học chuyên ngành tài chính doanh nghiệp; Thạc sĩ chuyên ngành quản trị nhân lực	Thạc sĩ	Cao cấp	Tiếng Anh B1; Tiếng dân tộc Khmer	Tỉnh ủy viên; Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh	23/7/2004	XIV	Không
2	Phạm Thị Hồng Diễm	01/01/1979	Nữ	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Nhà ở công vụ, số 114, khóm 1, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	12/12	Đại học chuyên ngành nông học, Đại học chính trị học; Thạc sĩ chuyên ngành quản lý	Thạc sĩ	Cao cấp	Anh B2	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh	08/3/2006	Không	Huyện Cầu Kè (tỉnh Trà Vinh) nhiệm kỳ 2016-2021
3	Trần Quốc Tuấn	08/02/1970	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Số 122/8 ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	12/12	Đại học chuyên ngành hóa hữu cơ; Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Cao cấp	Tiếng Anh B1	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	28/6/1996	XIII	Không

Đơn vị bầu cử Số 2: Gồm thị xã Duyên Hải và các huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1	Bế Trung Anh	25/10/1966	Nam	Việt Nam	Tày	Không	Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Phòng B52-11, Tòa nhà Thăng Long Number One, số 01 Đại lộ Thăng Long, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	10/10	Đại học chuyên ngành toán, Đại học chuyên ngành xã hội học; Tiến sĩ xã hội học	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Cao cấp	Tiếng Anh C	Đảng ủy viên, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ quan Ủy ban Dân tộc, Bí thư Đảng ủy Học viện Dân tộc; Chủ tịch Hội đồng Học viện Dân tộc; Giảng viên cao cấp	Học viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc	13/4/1998	Không	Không
2	Ngô Chí Cường	11/9/1967	Nam	Việt Nam	Kinh	Không	Xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Số 159, đường Trương Văn Kính, khóm 1, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	12/12	Đại học chuyên ngành hành chính, kinh tế chính trị	Cử nhân	Cao cấp	Tiểu học ngữ văn Khmer	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh Trà Vinh	Tỉnh ủy Trà Vinh	24/5/1992	XIV	Tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2011-2016; 2016-2021

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
3	Huỳnh Thị Hằng Nga	28/8/1982	Nữ	Việt Nam	Khmer	Không	Xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Số 449/33, đường Dương Quang Đông, khóm 4, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	12/12	Đại học chuyên ngành hành chính; Thạc sĩ chuyên ngành luật Hiến pháp và luật hành chính	Thạc sĩ	Cao cấp	Tiếng Anh B1; Cấp 1 ngữ văn Khmer	Tỉnh ủy viên; Bí thư Huyện ủy Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Huyện ủy Càng Long, tỉnh Trà Vinh	10/6/2004	Không	Không